

**CÔNG TY TNHH KHẢI HÙNG CATERING**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KHẢI HÙNG CATERING

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KHAI HUNG CATERING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: KHAI HUNG CATERING CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3801292487

**3. Ngày thành lập:** 13/10/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

27 Trường Chinh, Khu phố Tân Phú, Phường Tân Phú, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: 0944541168

Fax:

Email: sirquangminh479@gmail.com Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>(trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở và trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh r 22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản.) | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4390     |
| 5.  | Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì                                                                                                                                                                                                                                                               | 4631     |
| 6.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4632     |
| 7.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, máy lạnh, máy giặt, tủ lạnh; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu                                                             | 4649     |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, phụ kiện và phụ tùng máy                                                                                                                                                                            | 4659     |
| 9.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Bán buôn máy móc quá hạn sử dụng                                                                                                                                                          | 4669     |
| 10. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                                                                                                                                             | 2591     |
| 11. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2592     |
| 12. | Sản xuất máy chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Chế tạo máy, tự động hoá.                                                                                                                                                                                                                                         | 2829     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                              |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 13. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                       | 5621                                                         |
| 14. | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết: Cung cấp xuất ăn công nghiệp                                                                                                                                                                                                                 | 5629(Chính)                                                  |
| 15. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(Trừ quầy bar, vũ trường)                                                                                                                                                                                                                           | 5630                                                         |
| 16. | Sửa chữa thiết bị điện<br>(không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)<br>Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng máy lạnh, hệ thống trao đổi nhiệt                                                                                                                  | 3314                                                         |
| 17. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                              | 4101                                                         |
| 18. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                        | 4102                                                         |
| 19. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                   | 4212                                                         |
| 20. | Xây dựng công trình điện<br>(doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại theo Nghị định 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)                                                                           | 4221                                                         |
| 21. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                            | 4222                                                         |
| 22. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                     | 4299                                                         |
| 23. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4311                                                         |
| 24. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                              | 4312                                                         |
| 25. | Lắp đặt hệ thống điện<br>(không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                                                                                      | 4321                                                         |
| 26. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện. | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: PHẠM MINH ĐẠO

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 13/09/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 037083004335

Ngày cấp: 08/09/2023

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về Trật Tự Xã Hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 5, Phường Trung Sơn, Thành phố Tam Điệp, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu phố Phú Tân, Phường Tân Phú, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

Thời gian đăng từ ngày 14/10/2023 đến ngày 13/11/2023

\* Họ và tên: PHẠM MINH ĐẠO

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 13/09/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 037083004335

Ngày cấp: 08/09/2023

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về Trật  
Tự Xã Hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 5, Phường Trung Sơn, Thành phố Tam Điệp, Tỉnh Ninh Bình,  
Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu phố Phú Tân, Phường Tân Phú, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình  
Phước, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Phước